

Số: 424 /QLĐT

Bỉm sơn, ngày 09 tháng 9 năm 2020.

V/v: thẩm định nội dung đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Đô thị phía Tây đường Bà Triệu, phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn.

Kính gửi: Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn.

Căn cứ Luật Quy hoạch số: 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;
Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
Căn cứ Nghị định số: 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
Căn cứ Thông tư số: 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ từng loại quy hoạch và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ công văn số 3633/UBND-CN ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chủ trương, địa điểm lập quy hoạch chi tiết khu đô thị phía Tây đường Bà Triệu, phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn;

Căn cứ quyết định số: 3089/QĐ-UBND ngày 28/08/2019 của UBND Thị xã Bỉm Sơn phê duyệt lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết 1/500 khu đô thị phía Tây đường Bà Triệu, Thị xã Bỉm Sơn.

Căn cứ văn bản: 2526/UBND-CN ngày 05/3/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phương án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị phía Tây đường Bà Triệu, phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn.

Trên cơ sở tham gia ý kiến của Sở Xây dựng tại văn bản số: 5058/SXD-PTĐT ngày 18/8/2020 về việc tham gia ý kiến về nội dung đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Đô thị phía Tây đường Bà Triệu, phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn; Phòng quản lý đô thị thẩm định báo cáo Chủ tịch UBND thị xã các nội dung sau:

I. Về thành phần hồ sơ:

1. Thuyết minh tổng hợp: bao gồm các sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3, bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán và hình ảnh minh họa.

2. Thành phần bản vẽ bao gồm :

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000.
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500.
- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500.
- Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan.
- Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.

- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, tỷ lệ 1/500 (gồm bản vẽ sau: Bản vẽ san nền – thoát nước mưa, bản đồ cấp điện – cấp nước – thoát nước thải).

- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/500;

- Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược tỷ lệ 1/500.

- Biên bản triển khai lấy Ý kiến của cộng đồng nhân dân trong khu vực ngày 29/11/2019

II. Căn cứ ý kiến tham gia của Sở Xây dựng, ý kiến cộng đồng dân cư và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của pháp luật, Phòng Quản lý đô thị đã thẩm định rà soát lại nội dung đồ án, có chỉnh sửa lại một số chỉ tiêu sử dụng đất do sai số học như sau:

1. Trong quá trình thống kê về chức năng sử dụng đất của từng lô, tư vấn đã thống kê nhầm đất trường Mầm Non (MN) vào đất mặt nước (MN) do bị trùng ký hiệu, và thống kê sai số học một số vị trí như: đất của UBND phường Bắc Sơn; thống kê nhầm đất cây xanh, bờ kè ở một số vị trí sang đất hạ tầng kỹ thuật, đã yêu cầu tư vấn chỉnh sửa lại đất trường Mầm non từ ký hiệu NM sang TMN và rà soát thống kê lại việc sai số học nêu trên,

Trên cơ sở đó phòng Quản lý đô thị trình UBND thị xã phê duyệt với nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Đô thị phía Tây đường Bà Triệu, phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn;

2. Địa điểm xây dựng: phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn.

3. Chủ đầu tư: UBND thị xã Bím Sơn.

4. Nội dung đồ án quy hoạch:

4.1. Phạm vi ranh giới khu vực lập quy hoạch: Khu đất lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 thuộc địa giới hành chính phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn; phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

+ Phía Bắc giáp: đường C-C4 (đường Trần Hưng Đạo theo quy hoạch);

+ Phía Tây Nam giáp: đường Hồ Tùng Mậu theo quy hoạch;

+ Phía Đông và Đông Nam giáp: đường Bà Triệu theo quy hoạch.

4.2. Quy mô đất đai và dân số:

- Tổng diện tích nghiên cứu khoảng: **51,036**ha

- Quy mô dân số khoảng: 7.140 người; trong đó dân số hiện trạng khoảng 1.320 người; dân số khu quy hoạch mới khoảng 5.820 người.

4.3. Tính chất chức năng.

Là khu đô thị mới của thị xã với các chức năng chính: Trung tâm hành chính cấp phường, du lịch tâm linh và chức năng ở đô thị với các loại hình nhà ở liền kề; nhà ở biệt thự; nhà ở xã hội; với hệ thống hạ tầng đầu tư đồng bộ theo tiêu chí đô thị loại 3.

4.4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính.

b) Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch:

- Đất ở đạt khoảng : 28,9m²/người.

- Đất cây xanh, mặt nước khoảng : 6,6m²/người.
(có quy đổi 4,1m² từ hệ thống cây xanh mặt nước ven sông theo quy định)
- Đất công cộng khoảng : 3,6 m²/người.
- Đất giao thông khoảng : 11,9m²/người.

c) Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật toàn khu:

- Tiêu chuẩn cấp nước : 150lít/người/ngày.
- Tiêu chuẩn thoát nước thải sinh hoạt : 90-95% nước cấp.
- Thoát nước thải công trình công cộng : 2lít/m² sàn/ngày đêm
- Tiêu chuẩn rác thải : 1,2 kg/ng-ngày.
- Tiêu chuẩn cấp điện : 5 KWh/hộ.
- Điện công cộng, dịch vụ : 30 w/m² sàn.
- Điện cây xanh đường phố : 10 – 12 Kw/ha.
- Tiêu chuẩn thông tin liên lạc : 0,5 máy/1 người.

4.5. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT							
STT	TÊN HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M2)	MẶT ĐỘ XD TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)	HỆ SỐ SDD TỐI ĐA	TỶ LỆ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT LẬP QH			510.360,38				100
I	ĐẤT Ở (tổng dân số khoảng 7140 người)		206.984,70				29,44
1	Đất nhà ở hiện trạng (khoảng 1320 người)		56.759,72				11,12
2	Đất ở mới (5820 người)		150.224,98				
2,1	Đất nhà ở liên kế (3352 người)		103.699,89				20,32
2,2	Đất nhà ở biệt thự (128 người)	BT	11.565,35				2,27
2,3	Đất ở tái định cư (324 người)	TDC	11.310,26				2,22
2,4	Đất nhà ở xã hội (2016 người)	XH	23.649,48	(20% đất ở mới)			4,63
II	ĐẤT CÔNG CỘNG	CC	20.205,06				3,96
1	Đất công trình công cộng		7.906,58				1,55
	Đất công trình công cộng 01	CC-01	2.988,32	40	2-5	2	
	Đất công trình công cộng 02	CC-02	4.918,26	40	2-5	2	
2	Đất trường mầm non	TMN-01	6824,82	40	2-5	2	1,34
3	Đất nhà văn hóa		2.817,99				0,55
	Đất nhà văn hóa 01	VH-01	1152,9	40	1-3	1,2	
	Đất nhà văn hóa 02	VH-02	1665,09	40	1-3	1,2	
4	Đất trạm y tế	YT-01	2655,67	40	1-5	2	0,52
III	ĐẤT CÂY XANH, TDTT	CX-TDTT	17.676,47				3,46
1	Đất cây xanh		12.406,05				2,43
	Đất cây xanh 01	CX-01	3.004,00	5			
	Đất cây xanh 02	CX-02	4.733,16	5			

	Đất cây xanh 03	CX-03	3.327,92	5			
	Đất cây xanh 04	CX-04	396,42	5			
	Đất cây xanh 05	CX-05	410,06	5			
	Đất cây xanh 06	CX-06	534,49	5			
2	Cây xanh TĐTT	CXTT	5.270,42	15			
IV	ĐẤT DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI		21.735,57				4,26
	Đất dịch vụ thương mại 01	DVTM-01	3.795,21	40	9	3,6	
	Đất dịch vụ thương mại 02	DVTM-02	13.431,84	40	9	3,6	
	Đất dịch vụ thương mại 03	DVTM-03	4.508,52	40	9	3,6	
V	ĐẤT CƠ QUAN HÀNH CHÍNH		7.887,30				1,55
	Đất công an phường Bắc Sơn	CAP-01	2.004,45	40	2-5	2	
	Đất UB nhân dân phường Bắc Sơn	UBP-01	5882,85	40	3-5	2	
VI	ĐẤT DI TÍCH		15.925,53				3,12
	Đền Sòng	DT-01	10.742,99	40	1-3	1,2	
	Ban thờ Mẫu Thoải	DT-02	1.486,95	40	1-3	1,2	
	Đức Thánh Trần	DT-03	3.695,59	40	1-3	1,2	
VII	MẶT NƯỚC, CÂY XANH CẢNH QUAN		70.477,85				13,81
1	Mặt nước		30.489,88				
2	Đất cây xanh cảnh quan ven sông		39.987,97				
VIII	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT		149.467,90				29,29
1	Đất bãi đỗ xe		11.003,34				2,16
2	Đất giao thông phân lô		2.802,00				0,55
3	Đất đường dây - hành lang điện		33.567,00				6,58
4	Đất giao thông		102.095,56				20,00
	Đất giao thông trong hành lang điện		11.446,48				
	Đất giao thông ngoài hành lang điện		90.649,08				

4.6. Không gian kiến trúc cảnh quan:

a) Đất ở:

+ *Đất ở hiện trạng*: Mật độ xây dựng trung bình là: 80%; Tầng cao từ 3 đến 5 tầng. Nhà ở xây mới tại đất hiện trạng phải đảm bảo đáp ứng các quy định về diện tích xây dựng, khoảng lùi công trình theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.

+ *Đất tái định cư*: Mật độ xây dựng 70-90%; Tầng cao 2- 5 tầng.

- *Nhà ở liên kế*: Mật độ xây dựng 80-100%; Tầng cao 2-5 tầng.

- *Nhà ở biệt thự*: Mật độ xây dựng 70%; Tầng cao 1-3 tầng.

- *Nhà ở xã hội*: Mật độ xây dựng 40-60%; Tầng cao 7-9 tầng.

b) Đất cây xanh công viên thể dục thể thao:

Các ô đất cây xanh công viên kết hợp thể dục thể thao đáp ứng yêu cầu hạ tầng cho khu vực đồng thời tạo không gian sinh hoạt cộng đồng cho người dân sinh sống trong khu vực. Mật độ xây dựng từ 5%-7%.

c) *Đất cơ quan*: Mật độ xây dựng trung bình 60%; Tầng cao 2-5 tầng.;

d) *Đất công cộng, giáo dục, văn hóa, y tế*:

- Công trình y tế, nhà văn hóa, thể dục TT, trường mầm non: mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 1-3 tầng; Hệ số sử dụng đất 0,4 – 1,2 lần.

e) *Đất dịch vụ thương mại*: Mật độ xây dựng 60-80%; Hệ số sử dụng đất. Tầng cao 5-9 tầng.

f) *Đất di tích*: Mật độ xây dựng, Hệ số sử dụng đất và Tầng cao tuân thủ quy hoạch di tích đền Sòng được phê duyệt.

4.7. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

a) *Quy hoạch giao thông.*

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường Bà Triệu có lộ giới 30,0m gồm: Lòng đường xe chạy: $8,0 \times 2 = 16,0\text{m}$; Vĩa hè 2 bên $7,0 \times 2 = 14,0\text{m}$.

+ Đường Hồ Tùng Mậu và đường Trần Hưng Đạo kéo dài có lộ giới 40,0m gồm: Lòng đường xe chạy: $10,5 \times 2 = 21,0\text{m}$, Dải phân cách: 3,0m; Vĩa hè 2 bên: $8,0 \times 2 = 16,0\text{m}$.

- Đường cấp khu vực:

+ Mặt cắt 2-2 có lộ giới 31,0m gồm: Lòng đường chính xe chạy: $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$; Vĩa hè 2 bên: $2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$.

+ Mặt cắt 3-3 có lộ giới 20,5m gồm: Lòng đường chính xe chạy: $2 \times 7,5\text{m} = 10,5\text{m}$; Vĩa hè 2 bên: $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$.

- Đường nội bộ: Đường quy hoạch có mặt cắt ngang điển hình 4-4, là các tuyến đường còn lại trong khu đô thị, có lộ giới 13,5m gồm: Lòng đường chính: $2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{m}$; Vĩa hè 2 bên: $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.

b) *Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật san nền*

Căn cứ vào hiện trạng nền khu đất lập quy hoạch và cao độ các khu dân cư lân cận; San nền cục bộ trong từng lô chức năng, hướng dốc nền ra các tuyến đường giao thông quy hoạch; Độ dốc san nền tối thiểu 0,4% đảm bảo cho nước mặt tự chảy. Cao độ san nền trong các lô chức năng được lựa chọn (11,75 ÷ 20,0)m; Khu vực tiếp giáp với các tuyến đường hiện có, cao độ nền được khống chế phù hợp đảm bảo cho thoát nước mưa được thuận lợi không gây ra hiện tượng ngập lụt cục bộ.

c) *Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa*

Trên cơ sở rà soát hệ thống thoát nước của khu vực; tận dụng tối đa các công trình thoát nước hiện có. Bổ sung mạng lưới thoát nước, đảm bảo 100% nước mặt được thoát hết; Không để xảy ra hiện tượng ngập lụt cục bộ trong khu vực lập quy hoạch và khu vực lân cận.

* *Giải pháp thoát nước* :

* Lưu vực 1 (Phía Tây Bắc): Nước mưa thoát về hồ nước Khu 10.

* Lưu vực 2 (Phía Đông Nam): Nước mưa thoát về suối Sòng.

- Mạng lưới thoát nước được bố trí phân tán để giảm tiết diện cống, giảm chiều sâu chôn cống.

- Nước mưa được thu gom bằng hệ thống ga thu bố trí tại mép các tuyến đường trong khu quy hoạch.

- Hệ thống thoát nước dùng công tròn D600-D1000 đặt ngầm dưới lòng đường.

d) Quy hoạch cấp nước

Nguồn nước cấp cho khu đô thị được đầu nối từ đường ống D200 hiện có nằm trên tuyến đường Bà Triệu. Đường ống D200 dẫn nước từ nhà máy cấp nước thị xã công suất 10.000,0 m³/ng.đ.

- Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp mạng hở. Mạng dịch vụ là mạng cung cấp nước trực tiếp đến các đối tượng sử dụng nước, đường kính ống từ D50-:-D160. Trên mạng dịch vụ này được quy hoạch thành mạng hở, tại những điểm đầu nối với đường ống thuộc mạng phân phối đều có van khóa không chế.

- Ống cấp nước sử dụng ống nhựa HDPE PE100, PN = 10 bar.

- Đường ống thiết kế đặt trên hè chôn sâu tối thiểu 0,5 m tính từ đỉnh ống. Các ống cấp nước được đặt trên hè, những đoạn qua đường, tùy thuộc vào chiều sâu sẽ được đặt trong ống lồng bảo vệ. Đường kính ống lồng lớn hơn các ống tương ứng hai cấp tùy trường hợp thực tế.

- Các trụ cứu hỏa ngoài nhà chọn loại nội D100, khoảng cách mỗi trụ cứu hỏa 100 ÷ 120m/ trụ.

e) Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng đô thị.

*) *Nguồn cung cấp điện:* Nguồn điện cấp cho khu đô thị được đầu nối từ tuyến điện 35KV lộ LDA373E9.23 và lộ LDA375-E9.23.

*) *Lưới điện cao áp:* Các tuyến đường điện cao áp Bắc Nam 220KV và 110KV hiện có cắt ngang khu đất lập quy hoạch được giữ nguyên. Tuyến điện 110KV cấp điện cho khu A – khu công nghiệp Bim Sơn được cải dịch về phía Bắc song song với suối Sông. Cụ thể tuyến điện được thể hiện trong “Bản đồ quy hoạch cấp điện”

*) *Lưới điện trung áp:* Hiện tại trong giới hạn khu đất lập quy hoạch có các tuyến đường điện trung áp 35KV đi qua. Để đảm bảo hành lang an toàn lưới điện thì các tuyến điện trung áp hiện có này sẽ được thiết kế đi ngầm dọc theo trục đường giao thông và được đầu nối với tuyến cấp ngầm theo quy hoạch của dự án và đường điện hiện có tại các vị trí hoàn trả:

+ Lộ LDA 373-E9.23 hiện tại đang được đi theo hướng Tây Bắc – Đông Nam song song với đường Bà Triệu (đi phía sau lớp dân cư), được cải dịch đi ngầm dưới hè phía Tây đường Bà Triệu từ cột 40 đến cột 48.

+ Lộ LDA 373-E9.23-41 hiện tại đang được đi theo hướng Tây – Đông song song với đường Hồ Tùng Mậu, sau khi mở rộng tuyến đường theo quy hoạch (đường điện đi dưới lòng đường), tuyến được cải dịch đi ngầm dưới hè phía Nam đường Hồ Tùng Mậu từ cột 41 đến cột 41-13.

+ Lộ LDA 375-E9.23 hiện tại đang được đi theo hướng từ đường Hồ Tùng Mậu đến đường Trần Hưng Đạo, tuyến được cải dịch đi ngầm dưới hè phía Đông tuyến đường D1 từ cột 14 đến cột 19.

- Cấp được đặt trực tiếp trong rãnh cáp đảm bảo đúng tiêu chuẩn và quy phạm trang bị điện. Dây dẫn dùng cáp lõi đồng có ký hiệu Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x240mm² chôn trực tiếp trong đất ở độ sâu 0.7m. Cáp đi ngang qua đường ô tô

cần được luồn trong ống thép chịu lực D150 để đảm bảo an toàn. Tại vị trí cột đầu nối lắp đặt 01 bộ chống sét van để bảo vệ cáp.

**) Trạm biến áp:*

- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng điện của khu vực nghiên cứu đề xuất xây dựng mới 08 trạm biến áp phục vụ khu vực quy hoạch, các máy gam công suất từ 400KVA-35(22)/0,4 đến 1250KVA-35(22)/0,4; đảm bảo bán kính cấp điện cho các phụ tải ≤ 500 m. Đối với các trạm biến áp hiện có: TBA Bắc Sơn 01;04;08 được giữ nguyên vị trí và công suất cung cấp điện cho khực dân cư và công trình hiện hữu.

**) Điện hạ thế :* Cấp hạ thế từ các trạm biến áp đi ngầm dọc theo các trục đường giao thông nội khu cấp tới các tủ điện phân phối của từng công trình được chôn ngầm đất. Đối với các tủ gom công tơ được bố trí ngoài trời trên hè, có cấu tạo với cấp bảo vệ IP54 chịu được ảnh hưởng trực tiếp của môi trường. Vị trí tủ gom công tơ được bố trí trên vỉa hè ngay sát vị trí tường giữa 2 nhà. Trong các tủ bố trí các aptomat nhánh bảo vệ.

**) Đường điện chiếu sáng ngoài công trình:*

- Nguồn điện $\sim 380/220$ V cấp cho các tủ chiếu sáng sẽ lấy từ 1 lộ trong tủ phân phối điện hạ thế của trạm biến áp cung cấp điện cho khu vực.

- Bố trí 01 tủ điều khiển điện chiếu sáng của khu vực phía Bắc và 01 tủ điều khiển điện chiếu sáng phía Nam suối Sòng tại TBA 01 và TBA 03.

- Tất cả các tuyến đường trong khu vực có chiều rộng $\leq 12,0$ m được chiếu sáng bằng 01 dãy đèn bố trí một bên, đường có chiều rộng $\geq 12,0$ m được chiếu sáng bằng 02 dãy đèn bố trí hai bên với khoảng cách 35m. Chiều cao cột đèn theo tiêu chuẩn , quy chuẩn hiện hành.

f) Quy hoạch thoát nước thải, vệ sinh môi trường.

Hệ thống thoát nước thải đi tách riêng hệ thống thoát nước mưa.

Lưu lượng thoát nước thải: lấy bằng 90% lưu lượng nước cấp cho khu đô thị. $Q_{TB} = 1.182,0 \text{m}^3/\text{ng.đêm}$

Nước thải sinh hoạt từ các nhà ở, công trình sau khi được xử lý cục bộ ở các bể tự hoại, được đầu nối vào các ga thăm và thu dẫn theo mạng lưới cống tròn D200- D300 đặt ngầm dưới vỉa hè, sau đó được dẫn về trạm bơm của khu đô thị và được dẫn về trạm xử lý nước thải. Xây dựng trạm bơm số 01 bơm phần nước thải của khu vực phía Nam suối Sòng và trạm bơm số 02 bơm phần nước thải của khu vực phía Bắc suối Sòng đảm bảo đầu nối với hệ thống thoát nước thải chung toàn thị xã.

- Thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, thiết kế riêng so với hệ thống thoát nước mưa, độ dốc thiết kế đủ lớn sao cho tốc độ chảy trong cống tăng khả năng tự làm sạch: $i \geq i_{\min} = 1/D$. Trên tuyến cống thoát nước bố trí các hố ga thăm để xử lý sự cố, khoảng cách hố ga theo tiêu chuẩn thoát nước, trung bình khoảng 25-35m /hố. Hố ga được thiết kế đảm bảo kỹ thuật, ngăn mùi.

**) Chất thải rắn và vệ sinh môi trường.*

- Tiêu chuẩn thải chất thải rắn : 1,5 kg/người/ngày đêm.

- Chỉ tiêu thu gom được: 100%.

- Nhu cầu xử lý chất thải rắn của khu vực: $1,5 \times 7.120,0 = 10.680,0 \text{ kg/ng.đ}$

- Chất thải rắn từ các hộ gia đình và các khu công cộng được thu gom vào các thùng rác công cộng đặt dọc theo các tuyến đường giao thông hoặc trong các khu vực công cộng. Xe chuyên dụng sẽ chạy theo lịch trình và thu gom chất thải rắn từ các thùng rác này và vận chuyển đến trạm xử lý thác thải của thị xã.

g) Quy hoạch hệ thống thông tin, liên lạc:

Tổng nhu cầu thông tin liên lạc của đô thị: 4.925,0 Lines. Nguồn thông tin liên lạc cấp cho Khu vực lập QH được đấu nối từ đường dây trên tuyến đường Hồ Tùng Mậu (Hệ thống thông tin liên lạc được đấu nối với hệ thống thông tin từ Trung tâm viễn thông của thị xã Bim Sơn.).

- Từ điểm đấu nối, xây dựng các tuyến cáp chính cấp tín hiệu đến tủ cáp trung tâm MDF, từ tủ trung tâm các tuyến nhánh cấp tín hiệu đến các tủ cáp phân phối IDF trong khu vực quy hoạch. Các tuyến cáp nhánh đi ngầm trong đất trên vỉa hè hoặc đi chung trong hào cáp kỹ thuật cùng với các tuyến hạ tầng khác. Tủ đấu nối IDF được đặt nổi trên bệ bê tông để đảm bảo vận hành trong mọi điều kiện thời tiết. Cáp thông tin liên lạc được chôn ngầm dưới vỉa hè và được luồn trong ống nhựa PVC luồn cáp. Các đoạn qua đường luồn trong ống thép đen chịu lực.

Phòng Quản lý đô thị kính trình Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn xem xét phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, QLĐT.



Trần Xuân Việt